



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

Báo cáo Tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

đã được kiểm toán



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÀN ĐỘC LẬP	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÀN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 28

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiên Thành, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công ty có một công ty liên kết như sau:

Tên công ty: Công ty Cổ phần TM Việt Mỹ Sài Gòn

Địa chỉ: A30 - A31 đường D1, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức, TP.HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.204.031.240 VND (Lãi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 144.716.021 VND).
Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là 10.919.788.583 VND (Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 1.715.757.343 VND).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

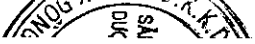
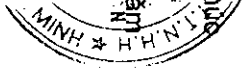
	Chủ tịch	
Ông Bách Mộng Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25/04/2014)
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25/04/2014)
Ông Trương Văn Tích	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2014)
Ông Bùi Khắc Hòa	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2014)
Bà Nguyễn Tuấn Huyền	Thành viên	
Bà Hoàng Canh	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Bách Mộng Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vinh	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

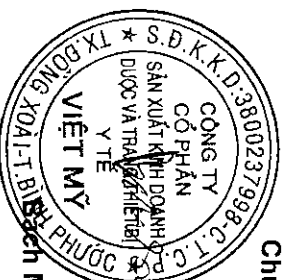
PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2015

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Bích Nhung Mộng Hà



Số: *ĐL* /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất định kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ ("Công ty") và công ty liên kết (Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn) được lập ngày 10 tháng 01 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày từ trang 04 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

5011729
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ và công ty liên kết (Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
TRÁCH NHIỆM HỮU BẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
ĐỒ KHẮC THANH

Kiểm toán viên

TẠ QUANG LONG



Số Giấy chứng nhận ĐK HNKT: 0649-2014-142-01
29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 - Fax: (08) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN			
	Thuyết minh			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	8.887.993.228	9.455.003.249	
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.503.535.227	2.181.523.772
111	1. Tiền		1.503.535.227	2.181.523.772
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.529.774.607	4.982.321.443
131	1. Phải thu khách hàng		334.846.232	3.068.323.084
132	2. Trả trước cho người bán		4.194.928.375	1.913.232.730
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04		765.648
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	IV. Hàng tồn kho		2.095.996.728	1.999.663.847
141	1. Hàng tồn kho	05	2.095.996.728	1.999.663.847
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	06	758.686.666	291.494.187
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		226.616.485	67.337.685
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		430.863.330	177.693.595
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		101.206.851	46.462.907
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.332.930.693	17.588.083.001
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết	31/12/2014	01/10/2014	Đơn vị tính: VND
		minh			
220	II. Tài sản cố định		13.454.601.975	16.831.298.998	
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	6.476.595.157	2.798.948.052	
222	- Nguyên giá		10.173.918.646	6.052.066.506	
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.697.323.489)	(3.253.118.454)	
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính				
225	- Nguyên giá				
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)				
227	3. Tài sản cố định vô hình	08	4.614.523.496	8.892.914.988	
228	- Nguyên giá		9.707.830.000	13.530.830.000	
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.093.306.504)	(4.637.915.012)	
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	2.363.483.322	5.139.435.958	
240	III. Bất động sản đầu tư				
241	- Nguyên giá				
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)				
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.510.208.355		
251	1. Đầu tư vào công ty con				
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10	2.510.208.355		
258	3. Đầu tư dài hạn khác				
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)				
260	V. Lợi thế thương mại				
270	VI. Tài sản dài hạn khác		368.120.363	756.784.003	
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	368.120.363	31.446.003	
272	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại				
278	3. Tài sản dài hạn khác	12		725.338.000	
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		25.220.923.921	27.043.086.250	



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Đơn vị tính: VND	
		Thuyết minh	
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2014	01/01/2014
310	1. Nợ ngắn hạn	13.420.419.670	6.038.550.759
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	2.058.885.450	4.525.416.539
312	2. Phải trả người bán	930.183.461	500.000.000
313	3. Người mua trả tiền trước	587.100.180	117.026.800
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	164.430.320	8.218.935
315	5. Phải trả người lao động	14	42.128.441
316	6. Chi phí phải trả	163.639.105	96.792.363
317	7. Phải trả nội bộ	15	172.282.384
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	14	42.128.441
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	41.250.000
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	41.250.000
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	41.250.000
330	II. Nợ dài hạn	11.361.534.220	1.513.134.220
331	1. Phải trả dài hạn người bán	11.361.534.220	1.513.134.220
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		
333	3. Phải trả dài hạn khác	17	1.361.534.220
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	1.361.534.220
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	11.800.504.251	21.004.535.491
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	11.800.504.251
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21.157.500.000	21.157.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	1.562.792.834	1.562.792.834
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(10.919.788.583)	(1.715.757.343)
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
432	1. Nguồn kinh phí		
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
500	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		
510	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	25.220.923.921	27.043.086.250

30601124
CÔNG TY
DƯỢC VIỆT MỸ
CHỨC VỤ TÀI
KẾ TOÁN CHÍNH KẾ
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

30601124
CÔNG TY
DƯỢC VIỆT MỸ
CHỨC VỤ TÀI
KẾ TOÁN CHÍNH KẾ
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
----------	-------------	------------	------------

1. Tài sản thuế ngoài
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
4. Nợ khó đòi đã xử lý
5. Ngoại tệ các loại
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án

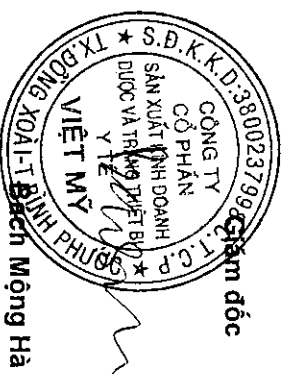
Người lập biểu

Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vinh

Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2015



Đỗ Bích Mộng Hà



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	4.172.714.450	7.740.903.709
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	4.172.714.450	7.740.903.709
11	4. Giá vốn hàng bán	22	4.361.282.599	5.449.016.139
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(188.568.149)	2.291.887.570
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.792.636	6.697.197
22	7. Chi phí tài chính	24	4.488.801.954	322.891.911
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		302.557.523	307.467.642
24	8. Chi phí bán hàng		212.638.011	219.321.875
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.707.408.980	1.633.958.486
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.592.624.458)	122.412.495
31	11. Thu nhập khác	25	2.916.406.167	1.347.000.000
32	12. Chi phí khác	26	4.438.021.304	1.324.696.474
40	13. Lợi nhuận khác		(1.521.615.137)	22.303.526
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		(89.791.645)	
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.204.031.240)	144.716.021
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27		
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.204.031.240)	144.716.021
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		(9.204.031.240)	144.716.021
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	28	(4.350)	68

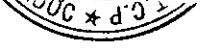
Bình Phước ngày 10 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Đặng Thị Giang


Nguyễn Văn Vinh

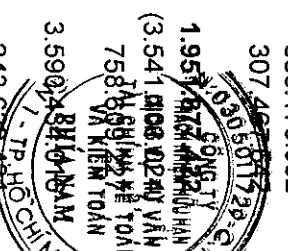


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	
		Năm 2014	Năm 2013
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
	1. Lợi nhuận trước thuế	(9.204.031.240)	144.716.021
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	1. Khấu hao tài sản cố định	1.110.499.584	1.146.516.807
03	2. Các khoản dự phòng		
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá đoái chưa thực hiện	2.671.552.907	353.176.952
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	302.557.523	307.485.015,29
06	5. Chi phí lãi vay		
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(5.119.421.226)	1.957.884.800,29
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	144.633.157	(3.541.010,00)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(96.332.881)	758.000,00
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(2.975.898.873)	3.590.488,00
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(495.953.160)	243.632,43
13	- Tiền lãi vay đã trả	(299.073.335)	(303.565.279)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(121.035.303)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	725.338.000	686.202.861
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(220.828.553)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.116.708.318)	3.044.223.798
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	(4.384.891.197)	(3.019.189.857)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	2.641.809.524	929.664.300
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.600.000.000)	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	498.425.349	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.792.636	6.697.197
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.839.863.688)	(2.082.828.360)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	13.558.176.076	4.913.134.220
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.279.592.615)	(4.400.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		(1.077.432.848)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	10.278.583.461	(564.298.628)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

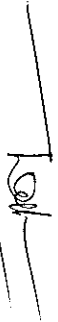
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	
		Năm 2014	Năm 2013
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(677.988.545)	397.096.810
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2.181.523.772	1.784.426.962
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03 1.503.535.227	2.181.523.772

Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

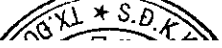
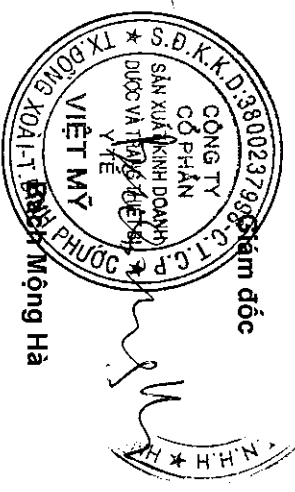


Đặng Thị Giang

Kê toán trưởng



Nguyễn Văn Vĩnh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiên Thành, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất Xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ Xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ.

1.4 Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty liên kết	
Tên công ty	Công ty Cổ phần TM Việt Mỹ Sài Gòn
Địa chỉ	A30 - A31 đường D1, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức, TP.HCM
Vốn điều lệ	8.600.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	30,23%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

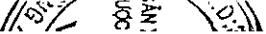
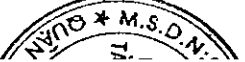
2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản tài hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

30501172
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN VỊ TỬ
CHÍNH KẾ
TP. HỒ

30
CỔ
CỔ
QUẢN
VÀ T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Nguyên tắc ghi nhận và Khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị công cụ quản lý	05 năm

Nguyên tắc ghi nhận và Khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bỏ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Đại hội cổ đông thông qua sẽ được trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

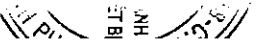
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

	31/12/2014	01/01/2014
3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
- Tiền mặt	1.181.867.349	2.027.375.052
- Tiền gửi ngân hàng	321.667.878	154.148.720
Cộng	1.503.535.227	2.181.523.772
4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC		
- Phải thu khác		
+ Thuế GTGT của TSCD thuế tài chính		
+ Khác		
Cộng	765.649	765.649
5. HÀNG TỒN KHO		
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		
- Thành phẩm		
- Hàng hóa		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.095.996.728	1.999.663.847
6. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC		
Chi phí trả trước ngắn hạn	226.616.485	67.337.685
- Công cụ, dụng cụ	190.073.289	57.261.495
- Phí giám sát môi trường	1.727.259	8.636.355
- Phí sửa chữa văn phòng	5.646.670	1.439.835
- Phí bảo hệ lao động	10.637.497	
- Phí công tác nước ngoài	12.383.435	
- Phí in ấn	6.148.335	
Thuế GTGT được khấu trừ	430.863.330	177.693.595
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Tài sản ngắn hạn khác	101.206.851	46.462.907
- Tam ứng	101.206.851	46.462.907
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Cộng	758.686.666	291.494.187

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	1.582.533.062	3.659.525.297	810.008.147		6.052.066.506
2. Số tăng trong năm		3.801.342.106	583.549.091		4.384.891.197
- Mua sắm mới		3.801.342.106	583.549.091		4.384.891.197
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm			263.039.057		263.039.057
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			263.039.057		263.039.057
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	1.582.533.062	7.460.867.403	1.130.518.181		10.173.918.646
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	1.107.773.078	1.820.054.669	325.290.707		3.253.118.454
2. Số tăng trong năm	158.253.300	416.929.164	79.925.627		655.108.092
- Khấu hao trong năm	158.253.300	416.929.164	79.925.627		655.108.092
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm			210.903.057		210.903.057
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			210.903.057		210.903.057
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm	1.266.026.378	2.236.983.833	194.313.277		3.697.323.489
III. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	474.759.984	1.839.470.628	484.717.440		2.798.948.052
Tại ngày cuối năm	316.506.684	5.223.883.570	936.204.904		6.476.595.157

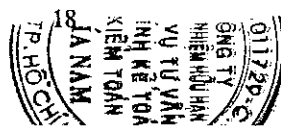
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.423.000.000	9.107.830.000			13.530.830.000
Số tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tặng do hợp nhất KD					
- Tặng khác					
Số giảm trong năm	3.823.000.000				3.823.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	3.823.000.000				3.823.000.000
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	600.000.000	9.107.830.000			9.707.830.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	84.000.000	4.553.915.012			4.637.915.012
Số tăng trong năm		455.391.492			455.391.492
- Khấu hao trong năm		455.391.492			455.391.492
- Tặng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	84.000.000	5.009.306.504			5.093.306.504
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.339.000.000				8.892.914.988
Tại ngày cuối năm	516.000.000	4.098.523.496			4.614.523.496



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

09. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2014	01/01/2014
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.363.483.322	5.139.435.958
Trong đó:		
- Công trình văn phòng Bình Dương	1.572.950.638	1.572.950.638
- Sửa chữa nhà xưởng Bình Phước	790.532.684	790.532.684
- Nhà máy bao bì		2.759.589.000
- Công trình nhà máy tại Khu công nghệ cao TP. HCM		
Cộng	2.363.483.322	5.139.435.958

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại Công ty (*)	31/12/2014	01/01/2014
- Phần lỗ trong công ty liên kết thuộc về Công ty	2.600.000.000	
	(89.791.645)	
Cộng	2.510.208.355	

(*) Thông tin về công ty liên kết như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần TM Việt Mỹ Sài Gòn	30,23%	Giá trị khoản đầu tư
Cộng	2.600.000.000	2.600.000.000

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

- Công cụ dụng cụ	31/12/2014	01/01/2014
- Tồn mà màu	50.159.806	6.300.000
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc...	13.970.007	25.146.003
- Phí cam kết bảo vệ môi trường	150.833.328	
- Phí đánh giá GMP - ISO	24.545.457	
	128.611.765	
Cộng	368.120.363	31.446.003

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

- Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	31/12/2014	01/01/2014
		725.338.000
Cộng		725.338.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ NGÂN HÀNG

	31/12/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn	930.183.461	500.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (*)	930.183.461	500.000.000
Cộng	930.183.461	500.000.000

(*) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2013/67412 ngày 28/06/2013.

- Hạn mức: 2.000.000.000 đồng
- Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Tại ngày 31/12/2014 là 7%/năm.
- Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 6 tháng.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

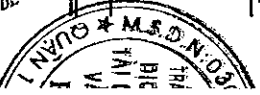
14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

- Thuế giá trị gia tăng		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế khác		
Cộng	31/12/2014	01/01/2014

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

- Trích trước chi phí lãi vay	31/12/2014	01/01/2014
- Trích trước phí kiểm toán	7.386.551	3.902.363
- Trích trước lương nghỉ phép năm	80.000.000	65.000.000
	84.895.833	27.890.000
Cộng	172.282.384	96.792.363



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.250.000	41.250.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		3.720.000.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của bà Hoàng Oanh		1.320.000.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Nguyễn Tuấn Huyền		1.000.000.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Bùi Khắc Hào		1.400.000.000

Cộng

41.250.000

3.761.250.000

17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

- Vay dài hạn
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (*)
- Công ty CP Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn (**)

Cộng

11.361.534.220

1.513.134.220

(*) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/67412/HĐ ngày 28/06/2013.

- Số tiền vay: 4.500.000.000 đồng

- Lãi suất: Lãi suất thỏa thuận theo từng lần vay. Tại ngày 31/12/2014 là 11,5%/năm.

- Mục đích vay: Đầu tư nâng cấp nhà máy sản xuất sản phẩm chuẩn đoàn y tế đạt tiêu chuẩn WHO GMP và trang bị máy móc thiết bị sản xuất cho Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ.

- Thời hạn vay: 48 tháng.

- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

(**) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng hợp tác số 0103/HĐHT-2014 ngày 10/03/2014.

- Số tiền vay: 7.500.000.000 đồng

- Lãi suất: 0%/tháng

- Mục đích vay: Xây dựng nhà máy và trang bị máy móc theo tiêu chuẩn GMP - WHO. Mua trang thiết bị sản xuất. Lâm hồ sơ thủ tục xin giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.

- Thời hạn vay: 36 tháng.

- Tài sản đảm bảo: không có tài sản đảm bảo.

5011720
CÔNG TY
NHÀ ĐẦU TƯ
Y TẾ VIỆT MỸ
KIỂM TOÁN
ĐỊA NAM
TP. HỒ C

31
01
02
03
04
05
06
07
08
09
10
11
12

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	21.157.500.000				(1.860.473.364)	1.562.792.834	
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước					144.716.021		
Tăng khác							
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận							
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Lỗ trong năm trước							
Chia cổ tức							
Giảm khác							
Số dư đầu năm	21.157.500.000				(1.715.757.343)	1.562.792.834	
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong năm							
Tăng khác							
Lỗ trong năm					(9.204.031.240)		
Chia cổ tức							
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận							
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Giảm khác							
Số dư cuối năm	21.157.500.000				(10.919.788.583)	1.562.792.834	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

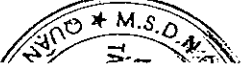
Đơn vị tính: VND

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Vốn góp của các cổ đông	21.157.500.000	21.157.500.000
Cộng	<u>21.157.500.000</u>	<u>21.157.500.000</u>

18. c) Các quỹ của doanh nghiệp		
	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.562.792.834	1.562.792.834
- Quỹ dự phòng tài chính		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	<u>1.562.792.834</u>	<u>1.562.792.834</u>

18. d) Cổ phiếu		
	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	2.115.750	2.115.750
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.115.750	2.115.750
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.115.750	2.115.750
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.115.750	2.115.750
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
- Doanh thu bán hàng	4.172.714.450	7.740.903.709
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		

Cộng

4.172.714.450	7.740.903.709
----------------------	----------------------

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng

--	--

21. DOANH THU THUẬN VÀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu thuận sản phẩm, hàng hóa
- Doanh thu thuận dịch vụ

Cộng

4.172.714.450	7.740.903.709
----------------------	----------------------

39601172
CÔNG TY
ĐƯỢC NHẬN HỒ
SƠ ĐỒ CHỈ DẪN
CHÍNH KẾ
VÀ KIỂM TR
PHÍA NAM
TP. HỒ

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cộng

4.361.282.599	5.449.016.139
----------------------	----------------------

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

4.792.636	6.697.197
------------------	------------------

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Chi phí lãi vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ do thanh lý các Khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Chi phí tài chính khác

Cộng

4.488.801.954	322.891.911
----------------------	--------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

25. THU NHẬP KHÁC	
Năm 2014	Năm 2013
- Lãi chênh lệch do đánh giá lại vốn góp	274.596.643
- Thu từ thanh lý TSCD	2.641.809.524
Cộng	1.347.000.000

26. CHI PHÍ KHÁC	
Năm 2014	Năm 2013
- Giá trị còn lại TSCD thanh lý	3.891.499.636
- Thuế truy thu, phạt chậm nộp thuế	48.016.738
- Nộp phạt vi phạm hành chính	366.174
- Điều chỉnh thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	226.118.900
- Chi phí khác	272.019.856
Cộng	4.438.021.304

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	
Năm 2014	Năm 2013
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.324.696.474
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.115.750
Cộng	2.440.447.224



28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	
Năm 2014	Năm 2013
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:	
- Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông	(9.204.031.240)
- Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.115.750
- Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(4.350) 68

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	
Năm 2014	Năm 2013
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.420.311.057
- Chi phí nhân công	3.060.514.744
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.110.499.584
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.994.796.246
- Chi phí khác bằng tiền	3.000.011
Cộng	7.589.121.642

6.272.462.855

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**30.1 Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Góp vốn	2.600.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay dài hạn	7.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Cho mượn tiền	51.599.613
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT	Hoàn tiền đặt cọc	400.000.000
	Kiểm Giám đốc	thuê xe	
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	18.000.000
	Kiểm Giám đốc		
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	18.000.000
	Chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	228.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Kiểm Giám đốc		
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	116.359.860

Tại ngày 31/12/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị Khoản phải trả
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay dài hạn	7.500.000.000

30.2. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2014, tài sản để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn và ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Cổ phần Dầu tự và Phát triển Việt Nam (Xem thuyết minh 13 và 17) là các tài sản của cá nhân ông Bách Mộng Hà. Tài sản thế chấp này là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

30.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ phải thu thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Tiền gửi ngân hàng

Đơn vị tính: VND

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín tại Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

30.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền **chủ yếu từ các tài hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ** cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng những biến động về luồng tiền.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến dựa theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Phải trả người bán	587.100.180		587.100.180
Vay và nợ	930.183.461	11.361.534.220	12.291.717.681
Phải trả người lao động	163.639.105		163.639.105
Chi phí phải trả	172.282.384		172.282.384
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.250.000		41.250.000
Cộng	1.894.455.130	11.361.534.220	13.255.989.350

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30.5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

30.6. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm 2014, Công ty chỉ phát sinh doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh duy nhất là được phẩm và chỉ hoạt động duy nhất trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực kinh doanh được phẩm và không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

30.7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

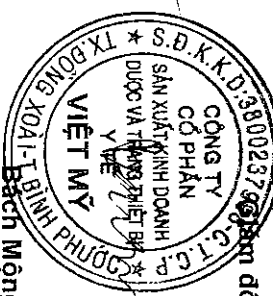
Người lập biểu

Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vinh

Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2015



Bách Mộng Hà